



AGROINFO

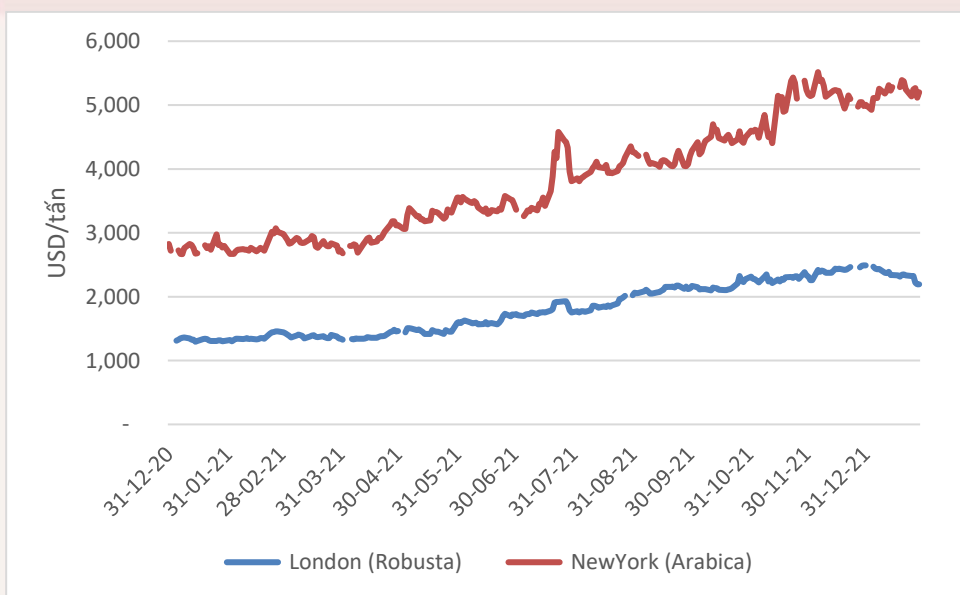
Tuần 4
(24.01.2022 – 28.01.2022)

BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn T3/2022 giảm 3,70% so với tuần trước xuống mức bình quân 2.249 USD/tấn.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2022 giảm 2,43% so với mức giá tuần trước lên mức bình quân 5.193 USD/tấn.
- ❖ Theo ICO, xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 11/2021 đạt 9,3 triệu bao (loại 60 kg/bao), giảm 12,4% so với 10,6 triệu bao của tháng 11/2020.
- ❖ Xuất khẩu cà phê nhân toàn cầu đạt 16,7 triệu bao trong 2 tháng đầu niên vụ cà phê 2021-2022, giảm 10,6% so với 18,7 triệu bao của cùng kỳ niên vụ 2020-2021.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 3/2022 diễn biến giảm trong tuần. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.249 USD/tấn, giảm 3,70% so với tuần trước, và tăng 71,75% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.322 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.191 USD/tấn.

Thị trường New York kỳ hạn tháng 3/2022 diễn biến giảm trong tuần. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 5.193 USD/tấn, giảm 2,43% so với mức giá tuần trước và tăng 85,64% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.267 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 5.116 USD/tấn.

Giá cà phê thế giới liên tục tăng cao và lập kỷ lục mới trong thời gian qua chủ yếu là do các vấn đề liên quan đến nguồn cung cà phê của Brazil, nước xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới.

Theo ICO, xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 11/2021 đạt 9,3 triệu bao (loại 60 kg/bao), giảm 12,4% so với 10,6 triệu bao của tháng 11/2020. Trong đó xuất khẩu cà phê của khu vực Nam Mỹ giảm 28,0%, trong khi khu vực châu Á và Châu Đại Dương tăng 17,6%, khu vực Trung Mỹ và Mexico tăng 29,4%.

Brazil là yếu tố chính dẫn đến sự sụt giảm trong xuất khẩu cà phê của khu vực Nam Mỹ khi lượng cà phê xuất khẩu của nước này đã giảm mạnh 33,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Sản lượng cà phê của Brazil trong niên vụ 2021-2022 sụt giảm do cây cà phê arabica bước vào chu kỳ năng suất thấp hai năm một lần và ảnh hưởng bởi các yếu tố thời tiết bất lợi. Trong khi đó, xuất khẩu cà phê của nước này đang gặp khó khăn do các vấn đề liên quan đến logistics, đặc biệt là việc thiếu hụt các container vận chuyển.

Ngược lại, Ấn Độ và Việt Nam và Guatemala, Honduras và Nicaragua là động lực chính thúc đẩy xuất khẩu cà phê tăng trưởng 2 con số ở khu vực châu Á và châu Đại Dương cũng như khu vực Trung Mỹ và Mexico.

Tính chung trong 2 tháng đầu niên vụ cà phê 2021-2022 (tháng 10 và tháng 11), xuất khẩu cà phê của khu vực Nam Mỹ giảm mạnh 24,4%, xuống còn 9,7 triệu bao so với 12,8 triệu bao trong cùng kỳ niên vụ 2020-2021. Trong đó, xuất khẩu cà phê của Brazil giảm 31,4%, xuống 6,4 triệu bao từ mức từ 9,3 triệu bao của cùng kỳ niên vụ trước.

Trong khi đó, xuất khẩu cà phê của khu vực châu Á và châu Đại Dương trong 2 tháng đầu niên vụ 2021-2022 đạt 6,2 triệu bao, tăng so với 5,1 triệu bao của cùng kỳ niên vụ 2020-2021. Tại khu vực này, xuất khẩu của Ấn Độ và Việt Nam đạt lần lượt là 1,1 triệu bao và 3,4 triệu bao, tăng khá mạnh so với con số 0,7 triệu bao và 2,9 triệu

bao đạt được trong 2 tháng đầu niên vụ cà phê 2020-2021.

Tương tự, trong 2 tháng đầu niên vụ 2021-2022, xuất khẩu cà phê từ khu vực Trung Mỹ và Mexico đạt 0,9 triệu bao, tăng so với 0,7 triệu bao của cùng kỳ niên vụ 2020-2021. Trong đó, Guatemala, Honduras và Nicaragua xuất khẩu khoảng 0,2 triệu bao mỗi nước.

Trái lại, xuất khẩu cà phê của Châu Phi giảm 1,8% xuống còn 2,1 triệu bao trong 2 tháng đầu niên vụ 2021-2022. Trong đó, Kenya giảm 49,7%, Bờ Biển Ngà giảm 34,1%; trong khi xuất khẩu cao hơn 17,8% tại Tanzania.

Xét theo nhóm cà phê xuất khẩu, cà phê arabica giảm mạnh 20,8% trong tháng 11/2021, xuống còn 5,7 triệu bao từ 7,2 triệu bao của cùng kỳ năm 2020.

Mức giảm lớn nhất được ghi nhận ở cà phê arabica Brazil, từ 4,6 triệu bao đạt được vào tháng 11/2020 xuống chỉ còn 2,9 triệu bao vào tháng 11/2021. Tiếp theo là cà phê arabica Colombia với mức giảm 8,8%, xuống 1,3 triệu bao từ 1,4 triệu bao của cùng kỳ năm 2020.

Tuy nhiên, nhóm cà phê arabica khác và robusta lại tăng trưởng lần lượt là 23,9% và 5,7% trong tháng 11.

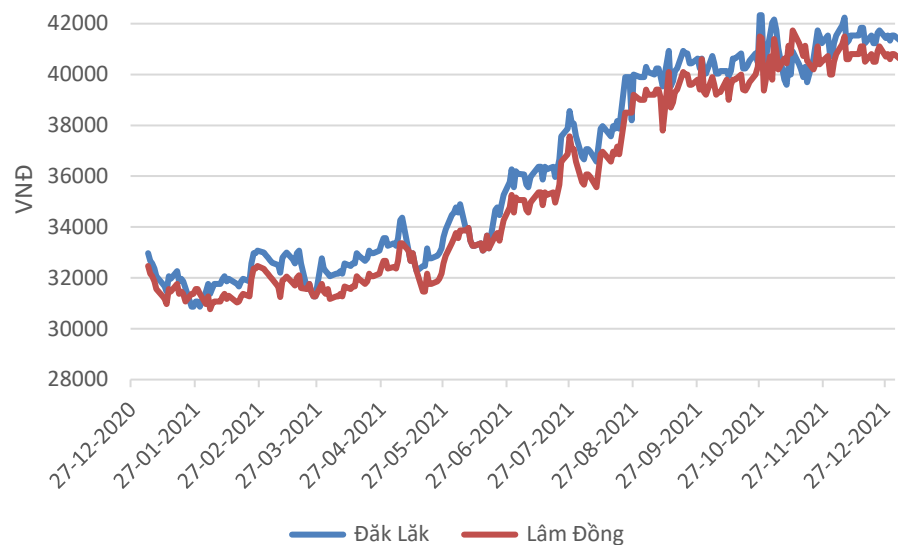
Như vậy, tổng xuất khẩu cà phê arabica trong 2 tháng đầu niên vụ cà phê 2021-2022 đạt 11,8 triệu bao và robusta là 7 triệu bao.

Xuất khẩu cà phê nhân toàn cầu đạt 16,7 triệu bao trong 2 tháng đầu niên vụ cà phê 2021-2022, giảm 10,6% so với 18,7 triệu bao của cùng kỳ niên vụ 2020-2021.

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng 100 đồng/kg. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 39.873 đồng/ kg. Giá trung bình tại Lâm Đồng là 39.140 đồng/kg
- ❖ Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn giảm 0,33% so với tuần trước xuống mức 2.266 USD/tấn.
- ❖ Việt Nam là nhà cung cấp cà phê lớn thứ 3 (tính về lượng) cho Hy Lạp, đạt 2,87 nghìn tấn trong 11 tháng năm 2021, trị giá 4,78 triệu EUR (tương 5,45 triệu USD), giảm 13,8% về lượng và giảm 12,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.
- ❖ Công ty cổ phần Phúc Sinh đang dẫn đầu Việt Nam về xuất khẩu tiêu với 8% thị phần toàn cầu và là một trong 8 doanh nghiệp (DN) xuất khẩu cà phê lớn nhất nước ta.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình trong nước tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tăng nhẹ so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 39.873 đồng/kg, tăng 0,25% so với tuần trước và tăng 28,85% so với cùng kỳ năm 2021. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta tăng 0,26% so với tuần trước, lên mức bình quân 39.140 đồng/kg, tăng 24,46% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 2.266,2 USD/tấn, giảm 0,33% so với tuần trước.

Việt Nam là nhà cung cấp cà phê lớn thứ 3 (tính về lượng) cho Hy Lạp, đạt 2,87 nghìn tấn trong 11 tháng năm 2021, trị giá 4,78 triệu EUR (tương 5,45 triệu USD), giảm 13,8% về lượng và giảm 12,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hy Lạp giảm từ 7,56% trong 11 tháng năm 2020, xuống 5,87% trong 11 tháng năm 2021.

Diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 được coi là nguyên nhân khiến hoạt động thương mại mặt hàng cà phê giữa Hy Lạp - Việt Nam diễn ra không thuận lợi trong năm 2021.

Cũng giống như nhiều quốc gia châu Âu, cà phê là một phần quan trọng của văn hóa Hy Lạp. Hy Lạp đứng ở vị trí thứ 15 trong danh sách các quốc gia tiêu thụ cà phê hàng đầu trên thế giới. Với 5,4 kg/người/ năm, người Hy Lạp tiêu thụ nhiều cà phê hơn người dân Pháp và Anh.

Dự báo năm 2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hy Lạp sẽ khả quan hơn. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) sẽ giúp ngành cà phê Việt Nam có được lợi thế cạnh tranh hơn so với các nước chưa có hiệp định thương mại với EU. Bên cạnh đó, hoạt động thông quan hàng hóa được dự báo sẽ thuận lợi hơn so với năm 2021.

Công ty cổ phần Phúc Sinh đang dẫn đầu Việt Nam về xuất khẩu tiêu với 8% thị phần toàn cầu và là một trong 8 doanh nghiệp (DN) xuất khẩu cà phê lớn nhất nước ta.

Có thể nói tác động của dịch bệnh đến các DN xuất khẩu năm nay nghiêm trọng hơn năm ngoái rất nhiều. Chẳng hạn cước tàu, cước container... tăng lên nhiều lần, chi phí nhân công, chi phí kho bãi tăng vọt... Bên cạnh đó, do giãn cách, nhiều nhà máy, nhiều dịch vụ đóng cửa hoặc giảm công suất khiến chuỗi cung ứng đứt gãy, nhu cầu tiêu dùng sụt giảm. Khi dịch bệnh căng thẳng dẫn đến giãn cách trong mấy tháng trời, nhiều công ty trong ngành phải đóng cửa vì nếu có bán hàng online cũng không tìm được người giao hàng... Tất cả những bất lợi ấy đã khiến các DN nói chung và DN xuất khẩu nói riêng lao đao.

Trước tình hình đó, Phúc Sinh đã có nhiều giải pháp kịp thời để thích ứng. Bên cạnh đó, Phúc Sinh lấy phương châm "chăm chỉ sáng tạo và kỷ luật" làm nền tảng cho quá trình quản trị, quản lý và sản xuất, kinh doanh. Chăm chỉ sẽ giúp chúng tôi làm được nhiều việc và vượt qua nhiều trở ngại. Kỷ luật sẽ giữ được mọi thứ vào nề nếp, có thể thích ứng mà không xáo trộn và mất thăng bằng với những thay đổi hay biến động. Điều này đã được kiểm chứng qua những khó khăn, cam go của đợt dịch bệnh vừa qua. Phúc Sinh không chỉ ổn định, duy trì hoạt động sản xuất, xuất khẩu mà còn tăng trưởng.

Để phát triển chế biến sâu, đa dạng các sản phẩm cho hạt cà phê, hồ tiêu, chúng ta phải xây dựng nhiều nhà máy chế biến cho ngành nông nghiệp và khuyến khích các nhà máy chế biến sâu bằng các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ, bộ ngành và địa phương như quỹ đất, thuế,

vốn... để các DN tập trung hơn vào việc chế biến rộng, chế biến sâu nhằm giải quyết được lượng nông sản của bà con cũng như gia tăng chất lượng cho các sản phẩm trước khi xuất khẩu.

Bên cạnh đó, cần có cơ chế hỗ trợ phát triển các tập đoàn nông nghiệp công nghệ hàng đầu tại Việt Nam để dẫn dắt thị trường nông nghiệp trong nước. Đồng thời, mỗi DN phải luôn đặt chiến lược chế biến sâu, không ngừng sáng tạo tìm ra sản phẩm mới và đi tìm thị trường ngách vừa là mục tiêu, vừa là trách nhiệm của DN mình.

Đặc biệt, để tạo ra một hướng liên kết giữa các DN trong ngành, giữa ngành nông nghiệp, ngành logistics, ngành xuất khẩu, từ đó có thể hướng ngành sản xuất cà phê Việt Nam phát triển sâu rộng, bền vững, cần xây dựng sàn giao dịch hàng hóa để có thể tập trung, liên kết xử lý lượng lớn hàng hóa nông sản và tạo ra một chuỗi liên thông, gắn kết hỗ trợ sự phát triển chung của tất cả các ngành.

Theo Cục Bảo vệ thực vật, tình hình nhiễm bệnh trên cây cà phê tính đến 20/01 như sau: (i) Bệnh khô cành: Diện tích nhiễm 6.903 ha (giảm 732 ha so với kỳ trước, giảm 3.284 ha so CKNT), đã phòng trừ trong kỳ 7.882 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Quảng Trị, Điện Biên, Bình Phước, Đồng Nai,... (ii) Bệnh gỉ sắt: Diện tích nhiễm 7.348 ha (giảm 1.155 ha so với kỳ trước, giảm 681 ha so CKNT) diện tích nhiễm nặng 02 ha; đã phòng trừ trong kỳ 14.181 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Nai, Điện Biên,...

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.theice.com/index>
2. <https://www.iandmsmith.com/>
3. <https://www.comunicaffe.com>
4. CTV và trang tin Tin Tây Nguyên
5. <https://giacaphe.com>
6. <https://www.comunicaffe.com/>
7. <https://baochinhphu.vn/giai-phap-nang-tam-ca-phe-viet chia-se-tu-mot-doanh-nghiep-hang-dau-102220124114237118.htm>

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	39,100	39,000	39,300	39,300	39,000	39,140	100
Bảo Lộc	39,100	39,000	39,300	39,300	39,000	39,140	100
Di Linh	39,100	39,000	39,300	39,300	39,000	39,140	100
Lâm Hà	39,100	39,000	39,300	39,300	39,000	39,140	100
ĐẮK LẮK	39,833	39,733	40,033	40,033	39,733	39,873	100
Cư M'gar	39,900	39,800	40,100	40,100	39,800	39,940	100
Ea H'leo	39,800	39,700	40,000	40,000	39,700	39,840	100
Buôn Hồ	39,800	39,700	40,000	40,000	39,700	39,840	100
GIA LAI	39,733	39,633	39,933	39,933	39,633	39,773	80
Pleiku	39,700	39,600	39,900	39,900	39,600	39,740	80
Chư Prông	39,800	39,700	40,000	40,000	39,700	39,840	80
La Grai	39,700	39,600	39,900	39,900	39,600	39,740	80
ĐẮK NÔNG	39,750	39,650	39,950	39,950	39,650	39,790	80
Đắk R'lấp	39,700	39,600	39,900	39,900	39,600	39,740	80
Gia Nghĩa	39,800	39,700	40,000	40,000	39,700	39,840	80
KON TUM	39,700	39,600	39,900	39,900	39,600	39,740	80
Đắk Hà	39,700	39,600	39,900	39,900	39,600	39,740	80
HỒ CHÍ MINH (USD/tấn)	2,268	2,252	2,292	2,273	2,246	2,266	-7

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn